

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HS-ST

Ngày: 16/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu
Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Lâm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh
Bà Nguyễn Thị Bích Liên
Bà Phạm Thị Thà

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/HSST-QĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh năm 1995 tại huyện L, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức T1 và bà Nguyễn Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/5/2023, chuyển tạm giam từ ngày 10/5/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Lê Minh T2 - Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Khu A, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Bị hại: Anh Trần Xuân N1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Trương Trung K, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt

Người có quyền lợi liên quan: Ông Vũ Đức T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994
 - Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995
 - Chị Vũ Thị H, sinh năm 2003
- Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 11/3/2023, Vũ Văn T đi xe máy Wave BKS: 99K1- 399.59 từ nhà ở thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh sang huyện C, tỉnh Hải Dương chơi. Khi T đi qua quán ăn đêm Hiếu Thảo của ông Nguyễn Bá T3, sinh năm 1962 ở thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh thì anh Nguyễn Văn B là bạn của T đang ăn đêm trong quán nhìn thấy, gọi T vào ăn cùng, T đồng ý. Tại đây, T gặp anh Trần Xuân N1, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã C, huyện C đang ngồi ăn, uống rượu cùng với anh B. Thấy T đến, anh N1 hỏi “Mày có phải T cá chép không?”, T trả lời “Phải”, anh N1 nói “Thằng T4 anh mày vừa bị tao đánh, mày định trả thù hay sao”, T trả lời “Việc của ai người ấy làm”. Anh N1 nói “Bây giờ tao thích va với mày” nên T uống một chén rượu rồi bỏ về. Do bức tức vì bị anh N1 thách thức đánh nhau nên T đi về nhà lấy một con dao bầu dài khoảng 25cm cật vào túi áo khoác phía trong bên trái T đang mặc mục đích để đâm anh N1. Sau đó, T đi xe máy đến nhà bạn là Nguyễn Văn L, sinh năm 1995 ở thôn M, xã N, huyện C rủ anh L đi ăn đêm ở quán H1, chị Vũ Thị H (người yêu anh L) cũng đi cùng. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi T điều khiển xe máy chở anh L và chị H từ nhà anh L sang đường đối diện thì gặp anh B chở anh N1 bằng xe máy đi ngược chiều đến. Nhìn thấy anh B và anh N1, anh L hỏi: “Anh đi đâu đấy?” nên anh B vòng xe quay lại. T dừng xe, anh L xuống xe đứng đối diện hỏi anh N1: “Anh đi đâu về đấy?”, anh N1 bảo “Chúng mày đêm hôm không về, đứng tụ tập ở đây làm gì?”. Lúc này, T lấy con dao bầu từ trong túi áo khoác đi đến đứng đối diện anh N1, cách khoảng 60cm cầm trên tay phải đâm 01 nhát theo hướng từ trước ra sau trúng vào vùng bụng phải của anh N1 và chửi “Đ.m mày, sau này ra ngoài bớt khệnh khạng đi”. Anh N1 hai tay ôm vết thương ở bụng chạy sang đường đến trước cửa nhà anh L thì nằm gục ở vỉa hè. Thấy T đâm anh N1 thì anh L xông vào ôm, đẩy T ra và hô hoán mọi người can ngăn. T cầm dao bầu lên xe máy bỏ trốn khỏi hiện trường, khi đi đến khu vực cầu S thuộc thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh thì T ném con dao xuống sông. Anh N1 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H, sau đó chuyển Bệnh viện H2 điều trị đến ngày 22/3/2023 thì ra viện. Sau khi thực hiện hành vi, T bỏ trốn khỏi nơi cư trú đến ngày 01/5/2023 thì bị bắt giữ khẩn cấp.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường là đoạn đường km 24+ 900 QL 38 thuộc địa phận thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương, trước cửa gia đình ông Nguyễn Văn P, cách mép tường bên trái nhà ông P 2m tại khu vực vỉa hè là cây đa to. Tại vị trí làn đường giáp vỉa hè, cách mép vỉa hè 1,5 m có các vết màu nâu đỏ nghi là máu, phía dưới gốc cây đa. Tại khu vực đường thuộc chiều

đường hướng đi Bắc Ninh giáp bãi đất trồng có nhiều vết màu nâu đỏ nghi là máu. Tại khu vực vỉa hè phía trước nhà bà Nguyễn Thị T5 có nhiều vết màu nâu đỏ nghi là máu.

Tại Kết luận giám định số 162 ngày 05/5/2023, Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh H, kết luận về thương tích của anh N1:

Vết thương vùng bụng ở hố chậu phải gây thủng ổ bụng, thủng quai ruột non, thủng manh tràng, đứt đôi bó cơ thắt lưng, chảy máu ổ bụng, đã mổ khâu lỗ thủng ruột non, cắt đoạn manh tràng, khâu cầm máu, làm hậu môn nhân tạo. Hiện còn hậu môn nhân tạo, để lại 03 sẹo mổ, dẫn lưu kích thước lớn và nhỏ.

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Trần Xuân N1 tại thời điểm giám định là 62%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Các tổn thương trên có đặc điểm do vật nhọn sắc gây ra, anh N1 bị người khác dùng dao đâm gây ra là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, anh N1 yêu cầu bị cáo T phải bồi thường chi phí điều trị thương tích là 101.590.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu khoản nào khác. Bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Tại Cáo trạng số 65/CT-VKSHD-P2 ngày 10/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Vũ Văn T tội "Giết người" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 57, Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo phạm tội "Giết người", xử phạt bị cáo tù 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/5/2023. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa đồng ý về tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù.

Đại diện bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật đến thời điểm ngày xét xử trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do bị hại giao nộp tại giai đoạn điều tra và đại diện bị hại giao nộp tại phiên tòa. Sau khi điều trị đợt tháng 3/2023 tại Bệnh viện H2, từ 27/8/2023 đến ngày 07/9/2023 bị hại tiếp tục phải đi viện mổ nối hậu môn. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án xử nghiêm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tổ tụng

Cơ quan điều tra Công an tỉnh H và các Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương và các Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn cãi nhau khi anh Trần Xuân N1 thách thức, dọa đánh nên khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/3/2023, tại đường T, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương, Vũ Văn T sử dụng dao bầu bằng kim loại dài khoảng 25cm đâm 01 nhát trúng vào vùng bụng phải của anh N1 gây thủng ổ bụng, thủng quai ruột non, thủng manh tràng, đứt đôi bó cơ thắt lưng, chảy máu ổ bụng phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H và Bệnh viện H2, thành phố Hà Nội, tỷ lệ tổn thương cơ thể 62%. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng sức khỏe của anh N1. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc sử dụng dao là hung khí nguy hiểm, đâm vào vùng bụng là vùng trọng yếu của cơ thể anh N1 có thể tước đoạt tính mạng của anh N1 nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Thực tế việc anh N1 không chết nằm ngoài ý thức của bị cáo. Bị cáo và anh N1 có mâu thuẫn nhỏ trong lúc uống rượu, sau khi đã ra về, bị cáo quay lại dùng dao đâm anh N1 dẫn đến hậu quả như nêu trên. Điều này thể hiện tính côn đồ, ý thức coi thường tính mạng, sức khỏe người khác của bị cáo. Do vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Giết người" ở giai đoạn chưa đạt với tình tiết định khung "Có tính chất côn đồ" quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3]. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại cũng có một phần lỗi dẫn đến sự việc nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 02 năm.

[5]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không những gây thiệt hại cho sức khỏe của bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an

toàn xã hội trên địa bàn. Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại nên phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, cụ thể:

[6.1]. Chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của bị hại.

- Chi phí khám chữa bệnh: Anh N1 và người đại diện theo ủy quyền xuất trình hóa đơn, tài liệu xác định tiền chi phí mua thuốc, thanh toán viện phí, các chi phí phục vụ mổ tổng là 80.078.653 đồng. Đây là chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ việc cứu chữa, điều trị cho bị hại cần chấp nhận.

- Chi phí thuê phương tiện đưa bị hại đi đến cơ sở khám chữa bệnh và trở về nơi ở 3.200.000 đồng.

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian điều trị: Anh N1 điều trị nội viện 23 ngày. Trong đó 03 ngày ở Bệnh viện đa khoa tỉnh H chi phí bồi dưỡng sức khỏe mỗi ngày bằng 01 ngày lương tối thiểu vùng tại thành phố H là 160.000 đồng x 03 ngày = 480.000 đồng. 20 ngày điều trị tại Bệnh viện H2 (02 lần) chi phí bồi dưỡng sức khỏe mỗi ngày bằng 01 ngày lương tối thiểu vùng tại quận H, thành phố Hà Nội là 180.000 đồng x 20 ngày = 3.600.000 đồng. Tổng chi phí bồi dưỡng sức khỏe là 4.080.000 đồng.

- Chi phí phục hồi sức khỏe: Với thương tích 62%, thấu bụng, tổn thương nhiều cơ quan nội tạng phải mổ xử lý nhiều lần, sau khi ra viện bị hại cần thiết phải có khoản chi phí để phục hồi sức khỏe, bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền này là phù hợp. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại khoản tiền phục hồi sức khỏe tương đương 09 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi bị hại sinh sống (huyện C, tỉnh Hải Dương) = 32.760.000 đồng.

[6.2]. Về thu nhập bị mất của bị hại

Do vết thương phải xử lý mổ nhiều lần, lần đầu anh N1 phải mở hậu môn ra ngoài, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh N1 không thể đi làm được và bị mất hoàn toàn thu nhập trong 09 tháng. Trước khi bị thiệt hại về sức khỏe, bị hại làm phụ vữa thu nhập 350.000 đồng/ngày công. Tổng số tiền bị hại mất thu nhập đến ngày xét xử là 63.000.000 đồng.

[6.3]. Về chi phí hợp lý và thu nhập bị mất của người chăm sóc

Trong thời gian bị hại điều trị tại bệnh viện, với thương tích như trên, bị hại không tự chăm sóc được bản thân phải có người chăm sóc. Thực tế vợ bị hại là chị B1 phải nghỉ việc để chăm sóc bị hại nên chị B1 bị mất thu nhập trong thời gian này. Đại diện bị hại xác định chị B1 làm phụ vữa với thu nhập

350.000đồng/ngày công là phù hợp. Do vậy, thời gian chị B1 đi chăm sóc chồng ở nội viện chị B1 bị mất thu nhập là 8.050.000đồng.

Cũng trong thời gian chị B1 chăm sóc anh N1 ở bệnh viện, chị B1 phải chi phí cho việc ăn uống, sinh hoạt, đi lại. Hội đồng xét xử xác định mức chi phí hợp lý cho người chăm anh Nghĩa là 300.000 đồng/ngày x 23 ngày = 6.900.000 đồng.

[6.4]. Về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần

Hành vi phạm tội của bị cáo gây tổn thất về tinh thần cho bị hại nên cần có một khoản tiền bù đắp sự tổn thất này cho bị hại. Với tính chất và hậu quả của hành vi bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xác định mức chi phí bù đắp tổn thất tinh thần cho bị hại tương đương 30 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là 54.000.000 đồng.

[6.5]. Tổng số thiệt hại của bị hại do hành vi của bị cáo gây ra được xác định là: 252.068.653 đồng. Tuy nhiên trong vụ án này, bị hại cũng có lỗi một phần dẫn đến thiệt hại nêu trên nên bị hại phải chịu một phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra. Hội đồng xét xử xác định bị cáo phải bồi thường 90% tổng số giá trị thiệt hại đối với bị hại nên bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 226.861.788đồng.

[7]. Về vật chứng:

Con dao bị cáo T sử dụng đâm anh N1, sau đó T đã ném xuống sông gần khu vực Cầu S thuộc thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã truy tìm nhưng không thấy nên không đặt ra giải quyết.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen trắng, BKS: 99K1-399.59 do bị cáo T tự nguyện giao nộp. Tài liệu chứng cứ xác định xe thuộc sở hữu của bố đẻ bị cáo là ông Vũ Đức T1. Ông T1 không biết bị cáo sử dụng đi phạm tội nên cần trả lại chiếc xe cho ông T1 theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí:

Bị cáo phạm tội và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 48, Điều 57 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Giết người".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 14 năm tù (mười bốn năm tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/5/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Văn T phải bồi thường cho bị hại Trần Xuân N1 tổng số tiền là 226.861.788 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 11.343.089 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về vật chứng: Trả lại ông Vũ Đức T1 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 99K1-399.59 (đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/8/2023 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Vụ Kiểm tra giám đốc I - TANDTC;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu